

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-PT

Ngày 24-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;
Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Mã Quế Khanh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn T;

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bị đơn:

- Bà Lê Thanh T1;

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Ông Trần Bạch K;

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Lê Thanh T1 và ông Trần Bạch K - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn T trình bày:

Vào ngày 29-02-2020 âm lịch, ông có cho bà Lê Thanh T1 vay số tiền 115.000.000 đồng. Việc vay tiền hai bên có làm biên nhận và bà T1 có ký tên vào biên nhận. Mặc dù nội dung biên nhận không có ghi lãi suất và thời hạn trả nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, trả lãi hàng tháng, còn tiền vốn khi nào cần tiền thì ông lấy lại. Từ khi vay tiền cho đến nay, bà T1 không có đóng lãi cũng như trả vốn cho ông. Ông đã nhiều lần đến nhà bà T1 đòi tiền, bà T1 hứa hẹn trả nhưng rồi không thực hiện. Việc bà T1 vay tiền của ông thì chồng bà T1 là ông Trần Bạch K cũng biết và bà T1 vay tiền về nhằm mục đích là làm ăn và lo cho gia đình.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T1, ông K1 trả cho ông tiền vốn vay 115.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày vay (ngày 29/02/2020 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 9 năm 2020, bị đơn bà Lê Thanh T1 trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 29-02-2020 âm lịch có vay của ông Đoàn Văn T số tiền 115.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, vay để trả nợ cho người khác, việc bà vay tiền ông T thì ông K (chồng bà) cũng biết. Do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên từ khi vay cho đến nay, bà chưa có đóng lãi cũng như trả vốn cho ông T. Đối với tiền vốn vay bà yêu cầu được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, còn tiền lãi thì bà xin miễn vì kinh tế gia đình bà quá khó khăn, không có khả năng trả tiền lãi.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 10 năm 2020, bị đơn ông Trần Bạch K trình bày:

Việc bà Lê Thanh T1 (vợ ông) nợ ông Đoàn Văn T số tiền nêu trên thì ông cũng biết. Nay ông cũng đồng ý cùng bà T1 trả cho ông T tiền vốn vay mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, còn tiền lãi thì yêu cầu không tính vì hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn.

Tại Bản án số 42/2020/DS-ST ngày 08-12-2020, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ Điều 357, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T. Buộc bà Lê Thanh T1 và ông Trần Bạch K cùng có nghĩa vụ trả cho ông T tiền vốn vay 115.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 22-3-2020 đến ngày 08-12-2020 là 16.290.000 đồng. Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên thì bà T1 và ông K còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16-12-2020, bị đơn bà Lê Thanh T1 và ông Trần Bạch K cùng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm xem xét phần tiền lãi đã trả vượt theo quy định của pháp luật và khấu trừ phần tiền lãi đã trả vượt vào tiền vốn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông T không rút lại đơn khởi kiện, người kháng cáo là bị đơn bà T1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, còn người kháng cáo là bị đơn ông K đã được Tòa án triệu tập lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Đồng thời, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với bị đơn ông K là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có đề nghị xét xử vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo nên căn cứ khoản 3 Điều 296, Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông K. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà T1 là không có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà T1 và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với việc vắng mặt của người kháng cáo là bị đơn ông Trần Bạch K, Hội đồng xét xử nhận thấy ông K đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có đề nghị xét xử vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296, Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông K.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của bà T1: Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử vắng mặt các bị đơn trong đó có bà Lê Thanh T1. Đến ngày 16-12-2020, Tòa án tổng đạt trực tiếp bản án cho bà T1. Cũng trong ngày này, bà T1 có đơn kháng cáo, nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm. Đơn kháng cáo của bà đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo của bà là hợp lệ. Bà T1 kháng cáo cho rằng bà có vay của ông Đoàn Văn T số tiền 120.000.000 đồng nhưng vay nhiều lần (05 lần) chứ không phải 01 lần, thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, từ ngày 28-7-2019 âm lịch đến ngày 29-02-2020 âm lịch tính ra tiền lãi là 75.000.000 đồng, bà T1 đóng lãi được 45.000.000 đồng và trả tiền vốn được 5.000.000 đồng nên còn nợ ông T tiền vốn là 115.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử chưa chính xác nên bà yêu

cầu cấp phúc thẩm xem xét phần tiền lãi đã trả vượt theo quy định của pháp luật và khấu trừ phần tiền lãi đã trả vượt vào tiền vốn.

[3] Xét kháng cáo của bà T1, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 09-9-2020 (bút lục 17), bà T1 thừa nhận có vay của ông T số tiền 115.000.000 đồng với lãi suất 03%/tháng để trả nợ cho người khác, vì bà có nợ nhiều người, việc vay tiền ông K (chồng bà) biết, từ khi vay cho đến nay bà chưa có đóng lãi cũng như trả vốn cho ông T và tại biên bản lấy lời khai ngày 07-10-2020 (bút lục 18), ông K cũng thừa nhận biết việc bà T1 nợ ông T số tiền 115.000.000 đồng và ông đồng ý cùng bà T1 trả nợ cho ông T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời thừa nhận nợ của bà T1, ông K để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà T1, ông K trả cho ông T số tiền vốn vay 115.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay (ngày 29-02-2020 âm lịch, tương ứng với ngày dương lịch là 22-3-2020) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là đánh giá đúng các chứng cứ, áp dụng đúng pháp luật và phù hợp với thực tế khách quan. Bà T1 kháng cáo cho rằng vay của ông T 05 lần với số tiền là 120.000.000 đồng, có đóng lãi được 45.000.000 đồng, trả vốn được 5.000.000 đồng là không có cơ sở; bởi lẽ ông T không thừa nhận việc này và bà T1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh ông T có nhận của bà tiền lãi 45.000.000 đồng và tiền vốn 5.000.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà T1, về việc yêu cầu xem xét phần tiền lãi đã trả vượt theo quy định của pháp luật và khấu trừ phần tiền lãi đã trả vượt vào tiền vốn và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên mức lãi suất mà bà T1 và ông K còn phải chịu nêu chậm thi hành án là 10%/năm là chưa chính xác theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp và rút kinh nghiệm chung đối với cấp sơ thẩm.

[6] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T1 là người kháng cáo không được chấp nhận, bà cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Đối với tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông K đã nộp, do ông đã từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét

xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông nên số tiền này được sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 312 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 18 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Bạch K.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Lê Thanh T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T. Buộc bà Lê Thanh T1 và ông Trần Bạch K cùng liên đới trả cho ông Đoàn Văn T tiền vốn vay 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 22 tháng 3 năm 2020 đến ngày 08 tháng 12 năm 2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 16.290.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), tổng cộng là 131.290.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đoàn Văn T thì hàng tháng bà Lê Thanh T1 và ông Trần Bạch K còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thanh T1 và ông Trần Bạch K cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.564.500 đồng (Sáu triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

- Ông Đoàn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.875.000 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003584 ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí phúc thẩm:

- Bà Lê Thanh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0007587 ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

- Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Trần Bạch K đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007588 ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TX. Ngã Năm;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TX. Ngã Năm;
- Chi cục THADS TX. Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm